

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2023/DS-PT

Ngày: 21/4/2023

V/v “*Tranh chấp HĐ vay tài sản;*

HĐ chuyển nhượng QSD đất,

Bồi thường thiệt hại về tài sản;

tranh chấp quyền sở hữu tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 470/2022/TLPT-DS, ngày 29/12/2022, về việc “*Tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Bồi thường thiệt hại về tài sản; Tranh chấp quyền sở hữu tài sản*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐPT-DS ngày 28/02/2023, giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Nguyễn Huy H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số G, đường C, tổ A, Phường A, tp ., tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị N, sinh năm 1957, Địa chỉ: số A, đường T, Tổ A, Khóm B, Phường D, thành phố C, Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2022.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Huệ T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số A, đường L, Phường B, tp ., tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Bà Hồ Thị Ngọc C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số B, đường L, Phường B, tp ., tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1). Ông **Đoàn Phú C1**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: **Số A, đường L, Phường B, tp ., tỉnh Đồng Tháp.**

Người đại diện ủy quyền của **Đoàn Phú C1** là bà **Hồ Thị Ngọc C**, sinh năm 1971; Địa chỉ: **Số B, đường L, Phường B, tp ., tỉnh Đồng Tháp** theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2023.

2). Bà **Đoàn Nguyễn Tuyết N1**, sinh năm 1991.

3). Anh **Đoàn Nguyễn Tấn H1**, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: **Số A, đường L, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

4). Ông **Lê Phương T1**, sinh năm 1976;

5). Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: **Số D, đường L, Phường B, tp ., tỉnh Đồng Tháp.**

Người đại diện ủy quyền của bà **Nguyễn Thị H2** là ông **Lê Phương T1**, sinh năm 1976 theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2016.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Nguyễn Phương T2**: là Luật sư **Phạm Minh T3** - Văn phòng luật sư **Phạm Minh T3** thuộc **Đoàn Luật sư thành phố H.**

(Có mặt: Bà **N1**, bà **C**, ông **T2** và Luật sư **T3**; các đương sự còn lại chị **N1**, anh **H1** có đơn vắng mặt).

• Người kháng cáo: Ông **Lê Phương T1**, bà **Nguyễn Thị H2** là người liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông **Nguyễn Huy H**, đại diện ủy quyền bà **Võ Thị N** trình bày:

Vào ngày 15/6/2010, ông **C1** và bà **T** có đến nhà anh **H** hỏi vay 600.000.000đồng, ông **H** hẹn khi nào có tiền sẽ cho hay. Ngày 01/7/2010, ông **H** cho ông **C1** hay nên vợ ông **C1** là bà **Nguyễn Thị Huệ T** đến nhà ông **H** để nhận vay số tiền 600.000.000đồng và làm biên nhận ký tên, ông **H** có đi đến nhà ông **C1** để ông **C1** ký tên vào biên nhận, nhưng khi đến thì ông **C1** có khách, nên ông **C1** đóng dấu Cửa hàng vật tư nông nghiệp **Phú C1**, do ông **C1** làm chủ. Số tiền vay ông **C1** và bà **T** hẹn vài ngày sau sẽ trả, nhưng sau đó không trả nợ vay.

Ông **C1**, bà **T** vay tiền sử dụng vào mục đích kinh doanh sinh lời sử dụng chung cho gia đình; chị **N** và anh **H1** là con ông **C1** và bà **T** nên chị **N**, anh **H1** phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông **H** tiền vốn và lãi.

Nay ông **H** yêu cầu bà **T**, ông **C1**, chị **N** và anh **H1** liên đới trả số tiền vốn vay 600.000.000đồng, tiền lãi 0,75%/tháng, tính từ ngày 01/7/2010 - 01/7/2022 là 144 tháng (600.000.000đồng x 0,75%/tháng) = 648.000.000đồng. Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid19 nên ông **H** giảm 03 tháng tiền lãi là 13.500.000đồng nên;

vậy số tiền lãi còn lại (648.000.000đồng - 13.500.000đồng) = 634.500.000đồng. Tổng cộng vốn, lãi 1.234.500.000đồng; đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đối với số tiền 517.167.000 đồng và diện tích đất 515,4m² thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8 của hộ ông Đoàn Phú C1 để đảm bảo thi hành án.

Bà N đại diện ông H không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T1, đối với yêu cầu bồi thường do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gây ra.

- Bị đơn Nguyễn Thị Huệ T, đại diện ủy quyền bà Hồ Thị Ngọc C trình bày:

Bà T và ông C1 là vợ chồng, ông C1 là em của vợ ông H;

Trước ngày 01/7/2010, ông C1 hỏi vay của ông H 600.000.000 đồng, do không có tiền mặt nên ông H hẹn khi nào có tiền thì cho hay đến nhận. Ngày 01/7/2010, ông H cho ông C1 hay là có tiền nên bà T (vợ ông C1) đến nhà ông H nhận vay 600.000.000đồng, bà T có viết biên nhận, ông H không chịu nên cầm biên nhận đến nhà ông C1 để ông C1 ký tên, ông C1 đóng dấu của Cửa hàng V do ông C1 là người đứng giấy phép kinh doanh nhưng Cửa hàng không còn hoạt động từ năm 2010.

Số tiền 600.000.000 đồng nêu trên là do gia đình bà T, ông C1 cùng vay. Nay bà T đồng ý trả cho ông H tiền vốn và lãi tổng cộng 1.234.500.000đồng theo yêu cầu của ông H.

Diện tích đất đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tài sản của hộ ông Đoàn Phú C1, trong hộ gồm: Ông C1, bà T và 02 người con là chị N và anh H1.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa hộ ông C1 với ông T1, bà H2: Do bà T có vay tiền của ông T1 số tiền 1.500.000.000 đồng, nhưng không có tiền trả nên ngày 10/12/2010 ông T1 có dẫn người đến nhà ép bà T và ông C1 ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng QSD đất diện tích 1.095m² thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc phường M, thành phố C để trừ nợ. Nay bà T không đồng ý thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần diện tích đất thực tế còn lại sau khi bị thu hồi, theo yêu cầu của ông T1, vì đất đã bị Tòa án kê biên để thi hành án; đồng thời cũng không đồng ý để ông T1 nhận tiền bồi thường 517.670.000đồng theo Quyết định của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C, vì đây là tài sản của hộ ông C1, nên hộ ông C1 phải được nhận số tiền bồi thường 517.670.000 đồng.

Bà T đồng ý trả cho ông T1, bà H2 tiền chuyển nhượng đất tổng cộng là 2.500.000.000 đồng. Bà T đồng ý tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/10/2016 của Tòa án thành phố C.

- Các người liên quan:

+ Ông Đoàn Phú C1, đại diện ủy quyền Hồ Thị Ngọc C trình bày:

Ông **C1** thống nhất lời trình bày của bà **T**, số tiền 600.000.000 đồng trên là do bà **T**, ông **C1** cùng vay. Nay ông **C1** đồng ý trả cho ông **H** tiền vốn và lãi tổng cộng 1.234.500.000 đồng.

Thửa đất 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc **phường M, thành phố C**, đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tài sản của hộ ông **C1**. Ông **C1**, không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất theo yêu cầu của ông **T1** (vì đất đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để thi hành án); không đồng ý ông **T1** nhận số tiền đền bù 517.670.000 đồng. Ông **C1** đồng ý trả cho ông **T1**, bà **H2** tiền chuyển nhượng đất tổng cộng 2.500.000.000 đồng. Ông **C1** đồng ý tiếp tục thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số: 01/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Theo đơn ông **C1** yêu cầu hủy các quyết định gồm:

Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của **UBND tp. C3**;

Quyết định số: 386/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 10/8/2011 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư **thành phố C**;

Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của **UBND tp. C3**;

Quyết định số: 02/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của **UBND tp. C3**.

Tại phiên tòa, bà **C** đại diện ông **C1** rút lại không yêu cầu hủy các quyết định trên.

+ Ông **Lê Phương T1**, ông **T1** đồng thời là đại diện ủy quyền của bà **Nguyễn Thị H2** trình bày:

Ngày 28/10/2010, ông **C1** chuyển nhượng cho ông **T1**, bà **H2** diện tích đất 869m² (ghi trên giấy QSD đất 2003), đo thực tế 1.095m² nên ông **T1** chi tiền 192.100 đồng để nhờ ông **Huỳnh Thanh T4** nộp thuế bổ sung phần diện tích tăng thêm 226m²; ngày 19/11/2010 ông **C1** được cấp QSD mới với diện tích 1.095m². Ngày 10/12/2010, ông **T1** và bà **Hồng** làm hợp đồng nhận chuyển nhượng QSD đất của hộ ông **C1** diện tích 1.095m², thửa 178, tờ bản đồ số 8, giá là 80.000.000 đồng, hai bên đã thực hiện ký hợp đồng tại Phòng công chứng xong và đã nộp tại bộ phận nhận và trả lời kết quả của Văn phòng **UBND thành phố C3** cùng ngày, ông **T1** nhận đất sử dụng trồng chuối từ đó. Đến ngày 24/12/2010 bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa diện tích đất nêu trên.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì UBND thành phố Cao Lãnh thu hồi 01 phần thửa 178 (579,6m²) có đền bù số tiền 517.670.000 đồng, do ông **T1** chưa thống nhất việc bồi thường nên đến nay chưa nhận tiền.

Ngày 28/10/2013, Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc **thành phố C**, đã tiến hành tiếp xúc thì ông **C1** đồng ý đã chuyển nhượng đất cho ông **T1** và không khiếu nại.

Ông **T1** yêu cầu ông **H** bồi thường thiệt hại do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông **H** không đúng pháp luật từ ngày 24/10/2010 đến nay, cụ thể:

+ Tiền thuê nhà 57,5 tháng x 3.500.000đồng/ tháng = 201.250.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

+ Tiền trả lãi Ngân hàng do đất bị Tòa án ra Quyết định kê biên áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời từ ngày 24/10/2010 đến nay không thể xây dựng nhà để ở và kinh doanh nên vợ chồng ông T1 phải vay số tiền 2.400.000.000 đồng của Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố C, để mua căn nhà số D, đường L, Phường B, thành phố C, của bà Phạm Thị C2 để ở và kinh doanh, tổng số tiền lãi phải trả cho Ngân hàng từ ngày 18/9/2015 – 08/3/2022 là 1.034.470.791đồng. Tổng cộng tiền thuê nhà và tiền lãi Ngân hàng là 1.235.720.791đồng.

+ Ông T1 yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ký ngày 10/12/2010 giữa ông T1, bà H2 với hộ ông C1, đối với diện tích đất còn lại theo thực tế đo đạc 590,5m², thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8. Vì ông T1 đã nộp hồ sơ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đúng với quy định tại khoản 4, Điều 146 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ; đồng thời ông T1 được nhận tiền đền bù thu hồi đất là 517.167.000đồng; yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm của Tòa án.

+ Đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, vì nguyên đơn không thông báo thời hạn trả nợ cho phía bị đơn biết một thời hạn hợp lý theo Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 là không đúng quy định.

- Chị Đoàn Nguyễn Tuyết N1, anh Đ Nguyễn Tấn H1 trình bày:

Chị N1, anh H1 đồng ý cùng liên đới với ông C1, bà T trả cho ông H tiền vốn và lãi tổng cộng 1.234.500.000đồng;

Diện tích đất đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là tài sản của hộ ông C1, trong hộ có chị N1 và anh H1. Nay anh, chị đồng ý tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với diện tích đất thửa 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc phường M, thành phố C.

Chị N1 yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 10/12/2010 giữa hộ ông C1, bà T với ông T1, bà H2 đối với diện tích đất thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8, vì chị N1 không ký tên vào hợp đồng này. Chị N1, anh H1 đồng ý cùng liên đới với ông C1, bà T trả lại tiền giá trị đất cho ông T1 2.500.000.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã quyết định:

1. Chấp nhận ông Nguyễn Huy H yêu cầu bà Nguyễn Thị Huệ T, ông Đoàn Phú C1, chị Đoàn Nguyễn Tuyết N1 và anh Đ Nguyễn Tấn H1 cùng liên đới trả số tiền vốn và lãi là 1.234.500.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Huệ T, ông Đoàn Phú C1, chị Đoàn Nguyễn Tuyết N1, anh Đ Nguyễn Tấn H1 cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Huy H số tiền vốn và lãi là 1.234.500.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông **Đoàn Phú C1** yêu cầu hủy các Quyết định gồm: Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của **Ủy ban nhân dân thành phố C3**; Quyết định số: 386/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 10/8/2011 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư **thành phố C**; Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 và Quyết định số: 02/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của **Ủy ban nhân dân thành phố C3**.

3. Chấp nhận yêu cầu của chị **Đoàn Nguyễn Tuyết N1**, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 10/12/2010, giữa hộ ông **Đoàn Phú C1** với ông **Lê Phương T1**, bà **Nguyễn Thị H2**, đối với diện tích đất thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc **phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông **Lê Phương T1**, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 10/12/2010, giữa hộ ông **Đoàn Phú C1** với ông **Lê Phương T1**, bà **Nguyễn Thị H2**, đối với diện tích đất thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc **phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

5. Hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 10/12/2010 giữa hộ ông **Đoàn Phú C1** với ông **Lê Phương T1**, bà **Nguyễn Thị H2**, đối với diện tích đất thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc **phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**.

6. Buộc ông **Lê Phương T1** và bà **Nguyễn Thị Hồng di d** hàng rào và trụ đá giao cho ông **Đoàn Phú C1**, bà **Nguyễn Thị Huệ T**, chị **Đoàn Nguyễn Tuyết N1** diện tích đất 505,7m² trong phạm vi các mốc Z, I, 3, 4, T, Z, thuộc thửa 882 (thửa cũ 178) và diện tích đất 84,8m² trong phạm vi các mốc X, F, Y, X, thuộc thửa 889 (thửa cũ 178) theo Bản đồ đo đạc ngày 12/4/2017 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C**, tờ bản đồ số 8, tọa lạc **phường M, thành phố C, Đồng Tháp** (trên đất có 147 cây chuối và 01 cây táo).

7. Ông **Đoàn Phú C1**, bà **Nguyễn Thị Huệ T**, chị **Đ** **Nguyễn Tuyết N1** được sở hữu và được nhận số tiền bồi thường 517.670.000 đồng, theo Quyết định số: 386/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 10/8/2011 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc **Ủy ban nhân dân thành phố C3**.

8. Buộc ông **Đoàn Phú C1**, bà **Nguyễn Thị Huệ T** và chị **Đ** **Nguyễn Tuyết N1** cùng liên đới trả cho ông **Lê Phương T1**, bà **Nguyễn Thị H2** số tiền 2.504.750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 18/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đối với số tiền 517.670.000 đồng và diện tích đất 515,4 m² của hộ ông **Đoàn Phú C1** để đảm bảo thi hành án.

10. Không chấp nhận ông **Lê Phương T1** yêu cầu ông **Nguyễn Huy H** bồi

thường thiệt hại do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sai, với số tiền 1.235.720.791 đồng.

11. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông H đã nộp tạm ứng và chi xong 5.775.000đồng, nên buộc ông C1, bà T, chị N1 cùng liên đới trả cho ông H số tiền 5.775.000đồng.

- Chi phí thẩm định bổ sung 400.000 đồng ngày 23/8/2019 do ông T1 yêu cầu nên tự chịu, ông T1 đã nộp chi xong.

12. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đoàn Phú C1, bà Nguyễn Thị Huệ T, chị Đoàn Nguyễn Tuyết N1, anh Đ Nguyễn Tấn H1 phải liên đới chịu án phí là 106.785.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003336, ngày 29/6/2018 và 300.000đồng theo biên lai số 0007968, ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh; Ông C1, bà T, chị N1, anh H1 còn phải nộp tiếp 106.185.000đồng.

- Ông Lê Phương T1 phải chịu 49.371.000 đồng, nhưng khấu trừ số tiền đã tạm ứng án phí là 11.967.000đồng theo biên lai số 08414 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, ông T1 còn phải nộp tiếp 37.404.000 đồng.

- Ông Nguyễn Huy H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.607.500đồng theo biên lai số 000781 ngày 16/12/2010 và 8.325.000đồng theo biên lai số 07965 ngày 7/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Ông H được nhận lại số tiền nộp bảo đảm 17.600.000đồng tại Ngân hàng TMCP Đ1 và 23.272.000đồng tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh Đ2 và tiền lãi phát sinh (nếu có), khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên được giải tỏa.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử ông Lê Phương T1, bà Nguyễn Thị H2 kháng cáo yêu cầu xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Huy H, đại diện ủy quyền bà Võ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hộ ông C1 trả nợ vay gốc, lãi 1.234.500.000đồng; yêu cầu duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số: 01/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/10/2016 của Tòa án thành phố C đối với số tiền 517.670.000 đồng và diện tích đất 515,4m² thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8 của hộ ông Đoàn Phú C1 để đảm bảo thi hành án.

Ông H không đồng ý ông T1 yêu cầu bồi thường thiệt hại vì cho rằng việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gây ra số tiền 1.235.720.791 đồng.

+ Bị đơn **Nguyễn Thị Huệ T**; người liên quan ông **Đoàn Phú C1**, cùng ủy quyền bà **Hồ Thị Ngọc C** đồng ý trả nợ gốc, lãi theo yêu cầu ông **H**.

Bà **T**, ông **C1** không đồng ý thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất đối với ông **T1**, bà **H2** và không đồng ý ông **T1** được nhận tiền bồi thường do đất bị thu hồi;

Bà **T**, ông **C1** đồng ý trả cho ông **T1**, bà **H2** tiền chuyển nhượng QSD đất là 2,5 Tỷ đồng; đồng ý duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số: 01/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/10/2016 của Tòa án tp. Cao Lãnh;

Ông **C1** giữ nguyên việc rút yêu cầu hủy các Quyết định số: 164 ngày 02/6/2011; Quyết định số: 01 ngày 23/01/2018; Quyết định số: 02 ngày 25/01/2018 và Quyết định số: 386 ngày 10/8/2011 của **UBND thành phố C3** và của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư **thành phố C**.

+ Người liên quan ông **Lê Phương T1** và bà **Nguyễn Thị H2** giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu kháng cáo. Ông, bà yêu cầu:

> Xem xét số tiền ông đã nộp 192.000 đồng để hợp thức hóa diện tích đất tăng thêm 226m²; Công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông **T1**, bà **H2** với hộ ông **C1** đối với diện tích đất sau khi bị thu hồi còn lại 590,5m² thuộc thửa 178; yêu cầu được nhận số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất;

> Hủy Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời, buộc hộ ông **C1** bồi thường 1.235.720.791 đồng (trả tiền thuê nhà và tiền lãi Ngân hàng);

> Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Huy H**.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người liên quan đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông **Lê Phương T1**, bà **Nguyễn Thị H2**; sửa 01 phần bản án sơ thẩm của Tòa án **thành phố C**.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông **T1**, bà **H2**; giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ cho người liên quan và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Tòa án cấp phúc thẩm ông **Lê Phương T1** có yêu cầu đo đạc, thẩm định tại chỗ lại phần đất đang tranh chấp. Xét thấy, đất đang tranh chấp thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại **tp.** đã được Tòa án phối hợp với Chi nhánh **Văn phòng Đ** xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2017, ngày 29/12/2020 (**BL 135, 956**) và có Bản đồ đo đạc ngày 24/11/2017 kèm theo. Khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ có mặt ông **T1**, ông **C1** và các đương sự khác trong vụ án cùng những

người có đất giáp ranh chứng kiến xác định tứ cận ranh đất với người có đất giáp ranh, có ký tên vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; nay các đương sự đều xác định hiện trạng phần đất không thay đổi, không phát sinh tình tiết mới, những người giáp ranh cũng không ai có khiếu nại gì đối với thửa đất 178. Do vậy, việc yêu cầu xem xét thẩm định lại của ông **T1** là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Ông **Lê Phương T1** và bà **Nguyễn Thị H2** kháng cáo yêu cầu:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Huy H** tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà **T**, ông **C1**;

- Xem xét số tiền ông đã nộp 192.000đồng để hợp thức hóa diện tích đất tăng thêm 226m²; Công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông **T1**, bà **H2** với hộ ông **C1** đối với diện tích đất sau khi bị thu hồi còn lại 590,5m² thuộc thửa 178; yêu cầu được nhận số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất;

- Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, buộc hộ ông **C1** bồi thường thiệt hại 1.235.720.791đồng (trả tiền thuê nhà và tiền lãi Ngân hàng); Xét thấy:

[2.1] Ông **T1** yêu cầu Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Huy H**. Xét thấy: Ngày 01/7/2010 bà **T** ký biên nhận vay nợ của ông **H** số tiền 600.000.000đồng, hai bên thỏa thuận vài ngày sau sẽ trả. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông **H** là bà **N**, đại diện ủy quyền của ông **C1**, bà **T** đều thừa nhận ông **H** có yêu cầu bà **T**, ông **C1** trả nợ nhiều lần nhưng do không tiền nên bà **T**, ông **C1** chưa trả. Do vậy, ông **H** khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Ông **T1**, bà **H2** kháng cáo yêu cầu Công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông **T1**, bà **H2** với hộ ông **C1** đối với diện tích đất sau khi bị thu hồi còn lại 590,5m² thuộc thửa 178; yêu cầu được nhận số tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất; Xét thấy:

- Ngày 10/12/2010 tại Văn phòng **C4** tỉnh Đồng Tháp ông **C1**, bà **T** ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông **T1**, bà **H2** diện tích đất 1.095m² thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8, giá 80.000.000đồng. Sau khi các bên ký hợp đồng chuyển nhượng ông **T1** đã nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký QSD đất **thành phố C** để được xem xét theo quy định. Tại công văn số: 167/VP.ĐKQSDĐ, ngày 24/12/2010 của Văn phòng đăng ký QSD đất **thành phố C** xác định: Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông **C1** với ông **T1**, bà **H2** đang trong thời gian xử lý theo trình tự giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa. Cùng ngày 24/12/2010 Tòa án thành phố Cao Lãnh có Quyết định số: 684/2010/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa diện tích đất 1.095m², thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8 cấp cho hộ ông **Đoàn Phú C1**. Lúc này ông **T1** chưa nộp nghĩa vụ tài chính theo Điều 127 Luật đất đai 2003, chưa được cơ quan có thẩm quyền “*ghi nhận QSD đất hợp pháp đối với một thửa đất xác định vào hồ sơ địa chính, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất*” (Điều 4 Luật Đất đai năm 2003).

Cho nên việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông **C1** với ông **T1**, bà **H2** là chưa hoàn thành, chưa có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa ông **Lê Phương T1** cho rằng ông đã thực hiện xong việc đăng ký biến động QSD đất và được **Văn phòng Đ** ghi nhận vào hồ sơ địa chính ngày 12/3/2013. Xét thấy, Tờ giấy không có tiêu đề, nội dung “*I- NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT*”.... “*II- THỬA ĐẤT*”.... “*III- NHỮNG THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ GHI CHÚ*”....trong đó có nội dung “*Thửa 178, ngày 19/2/13 – Thu hồi 579,6m² LUA thửa 178 của Bà Lê Phương T1 theo QĐ số 164/QĐUB 2/6/11*”, đây không phải văn bản ghi nhận vào hồ sơ địa chính. Bởi lẽ, quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 là Quyết định thu hồi QSD đất diện tích 579,6m² thuộc thửa 178 ông **Lê Phương T1**, nhưng đã bị Quyết định số: 637/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 điều chỉnh tên từ ông **T1** thành hộ ông **Đoàn Phú C1**; Sau đó **UBND thành phố C3** có Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 hủy Quyết định số: 637 ngày 14/10/2016 và Quyết định số: 02/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 đã hủy Quyết định số: 636/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 14/10/2016 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư **thành phố C**. Đồng thời, phần đất bắt đầu phát sinh tranh chấp từ năm 2010, nhưng theo ông **T1** trình bày năm 2013 được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận vào hồ sơ địa chính cũng là không phù hợp.

- Việc ông **T1** trình bày đã nhận chuyển nhượng đất và sử dụng đất từ trước thời điểm làm hợp đồng và thực hiện một số thủ tục như nhờ ông **T4** nộp thuế 192.000 đồng, đổi tờ giấy chứng nhận QSD đất cũ sang giấy mới, sau đó mới làm hợp đồng chuyển nhượng, đồng thời cũng đã sử dụng ổn định từ trước đến nay. Xét thấy, theo hồ xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất 178 vẫn đứng tên hộ ông **Đoàn Phú C1** và thủ tục giấy tờ do **C1** ký tên, việc nộp thuế hoặc các vấn đề khác đều do ông **C1** đồng ý cho ông **T1** đi làm nhằm thuận lợi cho việc chuyển nhượng và tăng diện tích đất (từ 869m² lên thành 1.095m²) chứ không làm tăng giá trị quyền sử dụng đất của ông **C1**. Số tiền 192.000đồng ông **T1** đã giao ông **T4** để nhờ nộp thuế, số tiền này tại Tòa án cấp sơ thẩm ông **T1** đã trình bày không yêu cầu giải quyết (BL 1334). Tại phiên tòa phúc thẩm ông **T1** cũng xác định không yêu cầu gì về số tiền này đối với ông **C1**, cho nên nếu sau này ông **T1** có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Từ lý do trên, ông **T1** yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 10/12/2010 giữa hộ ông **C1** và **T1**, bà **H2** đối với thửa đất 178, tờ bản đồ số 8 là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Hậu quả pháp lý của hợp đồng:

- Xét khi thỏa thuận chuyển nhượng đất, ông **T1**, bà **H2** đã nhận đất sử dụng diện tích 1.095m² (đo thực tế 1.170,1m²). Ngày 02/6/2011 **UBND thành phố C3** đã có Quyết định số: 164/QĐ-UBND thu hồi 579,6m² nên diện tích còn lại là 590,5m² buộc ông **T1**, bà **H2** giao lại cho hộ ông **C1** diện tích đất 590,5m², thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8. Hộ ông **C1** được nhận tiền bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi từ 579,6m² theo Quyết định số: 386/QĐ-HĐBTHT&TĐC, ngày 10/8/2011 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc **Ủy ban nhân dân**

thành phố C3.

- Theo hợp đồng chuyển nhượng QSD thửa đất 178, các bên thỏa thuận giá là 80.000.000 đồng. Tại Biên bản định giá ngày 25/8/2022 (BL 1239) của Hội đồng định giá thì giá trị đất hiện nay là $264.000\text{đồng/m}^2 \times 1.095\text{m}^2 = 289.000.000\text{đồng}$. Tuy nhiên, bà C đại diện ông C1, bà T và chị N tự nguyện trả tiền giá trị chuyển nhượng đất cho ông T1 số tiền 2.500.000.000 đồng là cao hơn giá Hội đồng đã định; do đó chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Xét ông T1 và bà H2 yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Xét thấy, ngoài phần đất đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên thì hộ ông C1 không còn tài sản nào khác để trả khoản nợ chung của vợ chồng ông C1, bà T, nên việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án là phù hợp với quy định pháp luật. Mặt khác, yêu cầu này của ông Lê Phương T1 đã được Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh trả lời khiếu nại tại Quyết định số: 01/QĐ-CA ngày 01/11/2016. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu nay của ông T1 là có căn cứ.

[4] Xét ông T1, bà H2 yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với số tiền 1.235.720.791 đồng. Xét thấy, việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông H đối với thửa đất 178 do hộ ông C1 đứng tên QSD đất là phù hợp với quy định pháp luật như đã phân tích trên, nên việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T1 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Từ đó, kháng cáo của ông T1, bà H2 là không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố C.

[5] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông T1, bà H2 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người liên quan đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T1, bà H2; sửa án sơ thẩm là không phù hợp nên không chấp nhận.

[8] Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T1, bà H2; giữ nguyên án sơ thẩm; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phương T1, bà Nguyễn Thị H2;

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Huy H;

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Huệ T, ông Đoàn Phú C1, chị Đoàn Nguyễn Tuyết N1, anh Đ Nguyễn Tấn H1 cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Huy H số tiền vốn và lãi là 1.234.500.000 đồng.

1.2. Đình chỉ yêu cầu của ông Đoàn Phú C1, đối với yêu cầu hủy các Quyết định số: 164/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố C3; Quyết định số: 386/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 10/8/2011 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C; Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C3; Quyết định số: 02/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố C3.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Nguyễn Tuyết N1, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 10/12/2010 giữa hộ ông Đoàn Phú C1 với ông Lê Phương T1, bà Nguyễn Thị H2 đối với thửa đất 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Phương T1, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 10/12/2010, giữa hộ ông Đoàn Phú C1 với ông Lê Phương T1, bà Nguyễn Thị H2 đối với thửa đất 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất lập ngày 10/12/2010 giữa hộ ông Đoàn Phú C1 với ông Lê Phương T1, bà Nguyễn Thị H2 đối với thửa đất 178, tờ bản đồ số 8, tọa lạc phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Buộc ông Lê Phương T1 và bà Nguyễn Thị Hồng di d hàng rào và trụ đá giao cho ông Đoàn Phú C1, bà Nguyễn Thị Huệ T, chị Đoàn Nguyễn Tuyết N1 diện tích đất 505,7m² trong phạm vi các mốc Z – I – 3 – 4 – T - Z thuộc thửa 882 (thửa cũ 178) và diện tích đất 84,8m² trong phạm vi các mốc X – F – Y - X, thuộc thửa 889 (thửa cũ 178), tờ bản đồ số 8, tọa lạc phường M, thành phố C, Đồng Tháp (trên đất có 147 cây chuối và 01 cây táo).

(Kèm Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2017, ngày 29/12/2020 và Bản đồ đo đạc ngày 24/11/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

7. Ông Đoàn Phú C1, bà Nguyễn Thị Huệ T, chị Đ Nguyễn Tuyết N1 được sở hữu và được nhận số tiền bồi thường 517.167.000đồng theo Quyết định số: 386/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 10/8/2011 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C3.

8. Buộc ông Đoàn Phú C1, bà Nguyễn Thị Huệ T và chị Đ Nguyễn Tuyết N1 cùng liên đới trả cho ông Lê Phương T1, bà Nguyễn Thị H2 số tiền 2.504.750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2016/QĐ-BPKCTT, ngày 18/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, đối với số tiền 517.167.000 đồng và diện tích đất 515,4m² thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 8 của hộ ông Đoàn Phú C1 để đảm bảo thi hành án.

10. Không chấp nhận ông Lê Phương T1 yêu cầu ông Nguyễn Huy H bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sai, với số tiền 1.235.720.791 đồng.

11. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá:

- Ông H đã nộp tạm ứng và chi xong 5.775.000 đồng, nên buộc ông C1, bà T, chị N1 cùng liên đới trả cho ông H số tiền 5.775.000 đồng.

- Chi phí thẩm định bổ sung số tiền 400.000 đồng ngày 23/8/2019 do ông T1 chịu, ông T1 đã nộp và chi xong.

12. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đoàn Phú C1, bà Nguyễn Thị Huệ T, chị Đoàn Nguyễn Tuyết N1, anh Đ Nguyễn Tấn H1 phải liên đới chịu là 106.785.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003336 ngày 29/6/2018 và 300.000 đồng theo biên lai số 0007968, ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự tp. Cao Lãnh; ông C1, bà T, chị N1, anh H1 còn phải nộp tiếp 106.185.000 đồng.

- Ông Lê Phương T1 phải chịu 49.371.000 đồng, nhưng khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 11.967.000 đồng theo biên lai số 08414 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, ông T1 còn phải nộp tiếp 37.404.000 đồng.

- Ông Nguyễn Huy H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.607.500 đồng theo biên lai số 000781 ngày 16/12/2010; và 8.325.000 đồng theo biên lai số 07965 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Ông H được nhận lại số tiền nộp bảo đảm 17.600.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đ1 và 23.272.000 đồng tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh Đ2 và tiền lãi phát sinh (nếu có), khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên được giải tỏa.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1, bà H2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0011583, ngày 03/10/2022 và biên lai thu số 0011598 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh (ông **T1**, bà **H2** đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Đinh Chí Tâm Nguyễn Thị Võ Trinh

Nguyễn Thị Vĩnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Chi cục THA ds tp. Cao Lãnh;
- Các đương sự.
- Lưu hs vụ án (vh).

Nguyễn Thị Vĩnh